

# Kinh nghiệm học Nhật ngữ

## Về vấn đề phát âm Kanji trong tiếng Nhật

---

# 漢字

### Mục lục :

<b>A. Khái quát về âm ON/KUN của Kanji.....</b>	<b>Trang 2</b>
I. Phân loại.....	Trang 2
II. Các điều cần nhớ khi bạn học Kanji .....	Trang 3
<b>B. Một số quy tắc ghi nhớ phát âm của âm ON .....</b>	<b>Trang 4</b>
I. Cách đọc của một số nguyên âm ngắn ở cuối chữ .....	Trang 4
II. Cách đọc âm cuối tận cùng bằng phụ âm.....	Trang 8
III. Biến âm khi ghép 2 chữ Kanji với nhau .....	Trang 8
IV. So sánh cách đọc của các nguyên âm dài .....	Trang 9
V. Onyomi các phụ âm đứng đầu trong chữ Hán-Việt.....	Trang 12

# Liên hệ âm ON của Kanji tiếng Nhật với nghĩa Hán-Việt

---

## A. Khái quát về phát âm của Kanji

Kanji Có 2 cách đọc :

### I. Phân loại :

#### 1. Kun-yomi ( Đọc theo âm Nhật )

Thường khi Kanji đứng 1 mình nó / nó + hiragana

Vd: 雨 ame = mưa 会 っ (au = gặp mặt)

Trong sách Kanji, Kun-yomi được viết bằng Hiragana

#### 2. On-yomi ( Đọc theo âm Hán )

Thường dùng trong các từ ghép (Kanji + Kanji) . Chiếm khoảng 90%

Trong sách Kanji, On- yomi được ký hiệu bằng chữ Katakana.

#### 3. Trường hợp ngoại lệ :

Nếu gặp trường hợp ngoại lệ sau thì chỉ có cách là thuộc lòng

a) Kanji đứng 1 mình nó mà lại đọc bằng Âm Onyomi.

Vd: 本 (ホン = sách), 門 (モン = cổng)...

b) Kanji + Kanji mà lại đọc bằng Âm Kunyomi + Kunyomi

Vd: 買物 (かいもの =mua sắm), 花見 (はなみ-i- ngắm hoa)..

c) Kanji + Kanji mà lại đọc bằng Âm Kunyomi + Onyomi hoặc ngược lại

Vd: 彼女( かの・ジョ) 彼氏 (かれ・シ) 、  
駅前 (エキ・まえ) 、 本屋 (ホン・や)

## II . Các điều cần nhớ khi bạn học Kanji

- \* Đa số Kanji có cả 2 cách đọc Kun và On.
- \* Có nhiều Kanji chỉ có cách đọc On
- \* Đối với người Việt, nếu ai giỏi từ Hán Việt thì việc học và hiểu Kanji sẽ dễ dàng hơn.Vd nhé:

**Chữ Hán Hán Việt :**

国歌 quốc ca

国家 quốc gia

人類 nhân loại

兵士 binh sỹ

軍人 quân nhân

Đấy, thế là không cần biết đọc thế nào, nhưng nếu bạn biết chữ Hán này có âm Hán Việt là gì thì tạm Ok về nghĩa nhé....

# 漢字

## B. Một số quy tắc để ghi nhớ cách phát âm của âm ON trong tiếng Nhật

---

I. Cách đọc của một số nguyên âm nằm ở cuối chữ (tạm gọi là nguyên âm ngắn) :

( hoặc tận cùng bằng : “nguyên âm + M / N / T / K” )

Các chữ Kanji có âm Hán Việt tận cùng bằng nguyên âm

a) A, OA: Onyomi phần lớn sẽ tận cùng bằng cột あ trong bảng Hiragana

Thí dụ:	<b>GIA</b>	- 家 -	か
	<b>BA</b>	- 波 -	ば
	<b>TỎA</b>	- 鎖 -	さ
	<b>CAN</b>	- 干 -	かん
	<b>BÁN</b>	- 半 -	ばん
	<b>QUÁT</b>	- 括 -	かつ

AI, OAI, OI: Onyomi phần lớn sẽ tận cùng bằng “cột あ + âm い” trong bảng Hiragana

Thí dụ :	<b>KHÔI</b>	- 灰 -	かい
----------	-------------	-------	----

<b>HỘI</b>	- 会 -	かい / え
<b>KHOÁI</b>	- 快 -	かい
<b>TÀI</b>	- 材 -	ざい

Â (+ phụ âm ) : trước Â trong Hán việt là phụ âm PH, QU thì Onyomi sẽ chứa cột う

Thí dụ :	<b>PHÁN</b>	- 粉 -	ふん
	<b>PHẬT</b>	- 仏 -	ぶつ
	<b>QUẠT</b>	- 堀 -	くつ

Â + Còn lại đa số Onyomi thay bằng cột い (trước Â không có phụ âm PH, QU)

Thí dụ :	<b>CÂN</b>	- 斤 -	きん
	<b>NHÂN</b>	- 人 -	じん, にん
	<b>MÃN</b>	- 敏 -	びん

b) O/Ô: Onyomi phần lớn sẽ thay bằng cột お / よ trong bảng Hiragana

Thí dụ :	<b>HỔ</b>	- 互 -	ご
	<b>CÔ</b>	- 独 -	こ
	<b>LỖ</b>	- 虜 -	ろ / りよ
	<b>KHÓN</b>	- 困 -	こん

Ô : với Ô chỉ có các chữ sau :

<b>CƠ</b>	- 姫 -	き
<b>SƠ</b>	- 疎 -	そ

SƠN - 山 - さん  
 ĐAN/ ĐƠN - 疎 - たん

c) -trường hợp I/Y

- trường hợp Â, UÂ (với phụ âm trước nó là “L”)

- trường hợp UY khi phụ âm trước UY là âm đọc nhẹ (nghĩa là phụ âm trước UY là “D”, “NG”, “H” hoặc không có phụ âm trước )

\*Thì : Onyomi sẽ thay bằng い trong bảng Hiragana

Thí dụ : Ý - 意 - い  
 VI - 微 - び  
 LY - 離 - り  
 NGUY - 危 - き  
 NGUY - 偽 - ぎ  
 HUY - 揮 - き  
 LUÂN - 倫 - りん  
 LUẬT - 律 - りつ

\*Riêng : SUẤT - 率 - りつ/そつ

+ UY còn lại (nghĩa là phụ âm trước UY không phải là “D”, “NG”, “H”, “T”): Onyomi sẽ đọc すい (“cột う + chữ い”)

Thí dụ : XUY - 吹 - すい  
 SUY - 衰 - すい

TÚY      - 粹 -      すい

d) Ê, UÊ: Onyomi + sẽ tận cùng bằng あい khi nghĩa Hán-Việt có PH, TH ở trước nó

+ Đa số còn lại Onyomi sẽ tận cùng bằng “cột え + âm い”

Thí dụ :    ĐÊ      - 低 -      てい

             MÊ      - 迷 -      めい

             THÊ    - 妻 -      さい

Ngoại lệ :  LÊ      - 梨 -      り

e) U/U': Đuôi này khá lung tung, có nhiều ngoại lệ

Onyomi phần lớn sẽ tận cùng bằng cột よ／お／い／ trong Hiragana

+ thành よ khi phụ âm đầu trước nó có thể ghép với よ

+ thành お khi phụ âm đầu trước nó không thể ghép với よ

+ Trường hợp Onyomi tận cùng là い : Nếu âm Hán Việt có phụ âm là

T, S thì Onyomi chắn chắn sẽ là し

Nếu âm Hán Việt có phụ âm là TH thì Onyomi một số sẽ là し／じ, một số sẽ là しよ

Thí dụ:    LỮ      - 呂 -      りよ／ろ

             NỮ      - 女 -      じよ

             THỬ    - 鼠 -      そ／しよ

             TỬ      - 死 -      し

             SỬ      - 使 -      し

<b>THỨ</b>	- 次 -	し
<b>THƯ</b>	- 書 -	しょ

## II. Cách đọc âm cuối tận cùng bằng phụ âm :

Các chữ Kanji có âm Hán Việt tận cùng bằng phụ âm :

a) N/M: Onyomi chắc chắn sẽ tận cùng bằng ん

Thí dụ :	<b>HOÀN</b>	- 完 -	かん
	<b>TÀN</b>	- 残 -	ざん
	<b>NAM</b>	- 南 -	なん
	<b>THAM</b>	- 参 -	さん

b) T: Onyomi chắc chắn sẽ tận cùng bằng つ

Thí dụ :	<b>SÁT</b>	- 殺 -	さつ
	<b>THUYẾT</b>	- 説 -	せつ

c) C, CH: Onyomi phần lớn sẽ tận cùng bằng く , riêng nghĩa Hán-Việt tận cùng bằng ICH thì sẽ biến thành “cột え+ âm き”

Thí dụ :	<b>QUỐC</b>	- 国 -	こく
	<b>BẮC</b>	- 北 -	ほく
	<b>TỊCH</b>	- 夕 -	せき
	<b>XÍCH</b>	- 斥 -	せき
	<b>DỊCH</b>	- 役 -	えき / やく



### III. Biến âm khi ghép 2 chữ Kanji với nhau :

Biến âm xúc âm つ (tsu nhỏ) : khi ghép 2 chữ Kanji lại với nhau, nếu chữ trước có âm tiết thứ 2 là < hoặc つ và chữ Kanji sau phát âm bắt đầu với các phụ âm bật môi mạnh đó là : **p, t, k, ch, s, sh** thì âm tiết thứ 2 của chữ trước không được phát âm và biến thành xúc âm つ (tsu nhỏ) 😊

Ví dụ:

- p : しゅっぱん 出版
- t : せってい 設定
- k : がっこう 学校
- s : しゅっしん 出身
- ch : しゅっちょう 出張

-> Suy ra 1 yếu tố quan trọng trong phần biến âm giữa **b** và **p** nên ghi nhớ chỗ này là: sau つ (tsu nhỏ) chắc chắn là biến âm maru **p**

### IV. Tiếp theo ta so sánh cách đọc của các nguyên âm dài

Ở trên phần I ta đã tìm hiểu cách đọc 1 số nguyên âm ngắn đơn giản, phần dưới đây ta sẽ tìm hiểu những nguyên âm dài có cách đọc tương đối phức tạp hơn :

a) INH, UYNH, ENH, ANH : thường Onyomi chuyển thành “cột え+ âm い”

\* Riêng trường hợp trước INH, UYNH, ENH có B, H, S, T, TH thì chữ có 2 âm On, ngoài âm On “cột え+ âm い” còn có 1 âm On khác . Âm On thứ 2 này thường có phần nguyên âm chứa ょう

Thí dụ : **SINH** - 生 - せい / しょう

<b>BINH</b>	- 兵 -	へい / ひょう
<b>HUYNH</b>	- 兄 -	げい / きょう
<b>HUỖNH</b>	- 螢 -	ぎょう
<b>ĐINH</b>	- 丁 -	てい

Thí dụ :

<b>ANH</b>	- 英 -	えい
<b>DANH</b>	- 名 -	めい / みよ
<b>LÃNH</b>	- 冷 -	れい

Ngoại lệ :

<b>BÀNH</b>	- 膨 -	ぼう	<b>MANH</b>	- 盲 -	もう
<b>NGẠNH</b>	- 硬 -	こう	<b>CANH</b>	- 更, 耕 -	こう

b) YE, IE, UYE : Phần lớn Onyomi chuyển thành cột え

Thí dụ :

<b>THIÊN</b>	- 千 -	せん
<b>XUYÊN</b>	- 川 -	せん
<b>NGUYỆT</b>	- 月 -	げつ, がつ

c) ƯU : Phần lớn Onyomi có phần nguyên chứa “ゆ (nhỏ) + âm ー”

Thí dụ :

<b>NGƯU</b>	- 牛 -	ぎゅう
<b>LIÊU</b>	- 流 -	りゅう / る
<b>TỰU</b>	- 就 -	しゅう / じゅ
<b>HƯU</b>	- 休 -	きゅう
<b>SƯU</b>	- 搜 -	そう
<b>TỬU</b>	- 酒 -	しゅ

UÂ : thường Onyomi có phần nguyên âm chứa ㄨ (nhỏ) . Nếu trước UÂ là phụ âm QU hoặc có phụ âm H thì Onyomi có phần nguyên âm chứa ㄨ̄

Thí dụ :	<b>TUẦN</b>	- 殉 -	じゅん
	<b>THUẦN</b>	- 純 -	じゅん
	<b>XUÂN</b>	- 春 -	しゅん
	<b>HUẤN</b>	- 訓 -	くん
	<b>QUẠT</b>	- 堀 -	くつ

d) YEU, IEU, IEP, UONG : hầu hết Onyomi có nguyên âm chứa ㄩ̄

Thí dụ :	<b>YÉU</b>	- 要 -	よう
	<b>LIỄU</b>	- 了 -	りょう
	<b>DIỆP</b>	- 葉 -	よう
	<b>CHIÊU, TRIÊU</b>	- 招 -	しょう

e) AU, AP, UNG : gồm 2 trường hợp :

Onyomi sẽ có phần nguyên âm chứa ㄨ̄ nếu trước AU, AP nó có phụ âm : K, C, CH, TR, TH, NG (thêm trường hợp trước AP có phụ âm t), và trước UNG có D, H, CH, TR, S hoặc UNG không có phụ âm phía trước

Thí dụ :	<b>CẦU</b>	- 求 -	きゅう
	<b>NHẬP</b>	- 入 -	にゅう
	<b>HẤP</b>	- 吸 -	きゅう

Onyomi có phần nguyên âm chứa “Cột お + âm う” trong các trường hợp còn lại

Thí dụ :	<b>PHÁP</b>	- 法 -	ほう
	<b>HẬU</b>	- 后 -	こう / ごう
	<b>TẦU</b>	- 走 -	そう

e) AO, OANH : hầu hết Onyomi có phần nguyên âm chứa “Cột お + âm う”

Thí dụ :	<b>CAO</b>	- 高 -	こう
	<b>AO</b>	- 凹 -	おう
	<b>HOÀNH</b>	- 横 -	こう

## V. Onyomi các phụ âm đứng đầu trong chữ Hán-Việt:

Ở phần trên chúng ta đã tìm hiểu cách đọc của đa số nguyên âm, dĩ nhiên trong đó cũng có một số trường hợp ngoại lệ nhưng vẫn có thể nói khả năng quy luật đọc của nguyên âm là rất lớn.

Phần V này ta tìm hiểu về cách đọc phụ âm đầu của chữ Hán-Việt như thế nào. Lưu ý rằng nếu so với những quy luật đọc của nguyên âm thì phần đọc phụ âm đầu này có 1 số quy luật không rõ ràng lắm.

a) C, K, KH, GI, H, QU : Phần lớn Onyomi có phần phụ âm đầu là K

(Để dễ nhớ thì C, K, KH, GI, H, QU là những âm mà trong tiếng Việt hầu hết khi phát âm những âm này thì chúng ta há miệng nhưng không bật môi )

+ \*QU ( nếu sau QU có âm Â ) : Onyomi có phụ âm đầu là G và phần nguyên âm sẽ thuộc cột う

Thí dụ :	<b>CAI</b>	- 該 -	かい
	<b>KHÂM</b>	- 襟 -	きん
	<b>GIỚI</b>	- 届 -	かい
	<b>HÀ</b>	- 何 -	か
	<b>QUẢ</b>	- 果 -	か
	<b>*QUẬN</b>	- 郡 -	ぐん
	<b>*QUẬT</b>	- 堀 -	くつ
	<b>*QUẦN</b>	- 群 -	ぐん

b) B, PH : Phần lớn Onyomi có phụ âm đầu là H

\*Đặc biệt \*B, PH : thường Onyomi sẽ có phụ âm đầu là F, khi nguyên âm On không có trường âm và thuộc cột う

Thí dụ :	<b>BẠC</b>	- 殉 -	じゅん
	<b>BÁI</b>	- 拝 -	はい
	<b>BÍCH</b>	- 壁 -	へき
	<b>PHIẾU</b>	- 票 -	ひょう

Thí dụ :	<b>*BÓ</b>	- 布 -	ふ
	<b>*BÁT</b>	- 不 -	ふ/ぶ
	<b>*PHÓ</b>	- 赴 -	ふ
	<b>*PHỤC</b>	- 復 -	ふく

\*PHÁT - 払 - ふつ

c) D, V : Phần lớn Onyomi thường bị lược bỏ phụ âm đầu,

(riêng VONG -> もう/ぼう)

Thí dụ :   **ĐẠT**       - 逸 -       いつ  
              **ĐỊCH**       - 駅 -       えき  
              **ĐỰ**         - 予 -       よ  
              **VIÊN**       - 園 -       えん

d) Đ : Thường Onyomi có phụ âm T một số nhỏ thành D

(riêng DIEU -> ちゅう)

Thí dụ :   **ĐAO**       - 刀 -       とう  
              **ĐÀU**       - 投 -       とう  
              **ĐỐI**       - 対 -       たい  
              **ĐOÁN**      - 断 -       だん  
              **ĐỘC**       - 毒 -       どく

e) L : Hầu hết Onyomi sẽ có phụ âm đầu là R

Thí dụ :   **LỆ**         - 励 -       れい  
              **LIỄU**       - 柳 -       りゅう  
              **LONG**       - 竜 -       りゅう

f) M: Thường Onyomi có phụ âm B số khác thành M ( trường hợp sau nó đi kèm với trường âm thường là đọc thành B, còn lại có thể B hoặc M khó phân biệt )

Thí dụ :	<b>MẠCH</b>	- 麦 -	ばく
	<b>MIỄN</b>	- 強 -	みえん
	<b>MÔI</b>	- 媒 -	まい
	<b>MIÊU</b>	- 描 -	びょう

g) N : Onyomi thường có phụ âm đầu là N  
nhưng nếu sau N có chữ O( O, Ô, OA) và không có trường âm thì  
Onyomi có phụ âm đầu là D

Thí dụ :	<b>NIÊM</b>	- 粘 -	ねん
	<b>NIỆU</b>	- 尿 -	にょう
	<b>NÔ</b>	- 努 -	ど
	<b>NỎAN</b>	- 暖 -	だん

h) NG : Phần lớn Onyomi có phụ âm đầu là G, 1 số nhỏ có phụ âm K

Thí dụ :	<b>NGHỆ</b>	- 芸 -	げい
	<b>NGHỊ</b>	- 議 -	ぎ
	<b>NGHIỆM</b>	- 験 -	けん/げん

i) NH : Hơi phức tạp, có thể chia nó thành 3 trường hợp sau :

+ Thường phụ Onyomi là G khi phần nguyên âm sau nó thuộc cột あ

Thí dụ :	<b>NHAN</b>	- 顔 -	がん
----------	-------------	-------	----

**NHÃ** - 雅 - が

**NHẠC** - 岳 - がく

+ Thường Onyomi là N khi phần nguyên âm sau nó thuộc cột い／え

Thí dụ : **NHIÊN** - 燃 - ねん

**NHIỆT** - 熱 - ねつ

**NHIỆM** - 任 - にん

+ Thường Onyomi là J khi phần nguyên âm sau nó thuộc cột う／お

Thí dụ : **NHO** - 殉 - じゅ

**NHỮ** - 純 - にゅう

**NHUỠNG** - 讓 - じょう

j) CH, T, TH, S, X : phần lớn Onyomi có phụ âm đầu là S／SH, một số nhỏ nó có thể biến âm sang Z／J

(trường hợp phụ âm đầu là SH : khi nguyên âm On chứa い hoặc trường âm よ, ゆ)

(Để dễ nhớ thì CH, T, TH, S, X là những âm mà trong tiếng Việt khi phát âm thì hàm răng ban đầu phải cắn lại sau đó mới có thể bật hơi phát ra )

+ Một số trường hợp của TH có nguyên âm On chứa っ ( nhỏ ) thì phụ âm On là J

Thí dụ : **CHỨNG** - 証 - しょう

**TOÁN** - 算 - じゅん

**TỔNG** - 総 - そう

**THUẬN** - 純 - じゅん

**XUÂN** - 春 - しゅん



k) TR : Một số Onyomi có phụ âm đầu là CH, một số Onyomi khác có phụ âm đầu là T, S, J rất khó phân biệt

( Thường Onyomi có âm ON chứa ㄝ thì chắc chắn phụ âm đầu phải là T )

Thí dụ :	<b>TRỮ</b>	- 貯 -	ちゆ
	<b>TRỰC</b>	- 直 -	ちゆく
	<b>TRI, TRÍ</b>	- 知 -	ち
	<b>TRINH</b>	- 貞 -	てい

---

Về vấn đề phát âm Kanji nhật ngữ ở trên do mình sưu tập trên một số website cộng với phần bổ sung của mình. Đồng thời mình thống kê lại thành một Ebook để các bạn học tiếng nhật tiện việc tham khảo

**Biên soạn :** Vũ Minh Vương

**Email :** [woomingwong@gmail.com](mailto:woomingwong@gmail.com)

**Chúc các bạn học tốt Nhật ngữ !**

